

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và định hướng tăng trưởng xanh ở Việt Nam

VŨ ĐÌNH HÒA*
NGUYỄN THỊ ĐÔNG**

Sau gần 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn bộc lộ nhiều yếu tố kém bền vững. Bài viết nghiên cứu thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam từ năm 1990 đến nay, qua đó đề xuất một số giải pháp, nhằm chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tăng trưởng xanh ở Việt Nam trong những năm tiếp theo.

THÀNH TỰU ĐÁNG GHI NHẬN

Theo tác giả tổng hợp từ nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam bình quân giai đoạn 1991-1995 đạt: 8,2%, 1996-2000 đạt: 7,0%, 2001-2005 đạt: 7,5% và 2006-2010 đạt: 6,32%. Tính bình quân giai đoạn 1991-2011, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 7,1%/năm, được đánh giá là tốc độ tăng trưởng cao và tương đối ổn định so với các nước trên thế giới. Đến nay, Việt Nam đã có 27 năm tăng trưởng kinh tế liên tục. Giai đoạn 2011-2014, mức tăng GDP luôn thấp hơn 7% (năm 2011: 6,24%; năm 2012: 5,25%; 2013: 5,42%); năm 2014 là 5,82%, cao hơn mức tăng trưởng của năm 2012 và năm 2013 cho thấy, dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế ngành chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nhóm ngành nông, lâm, thủy sản, tăng tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp, xây dựng và nhóm ngành dịch vụ trong GDP (Bảng 2).

Đóng góp vào tăng trưởng của hai ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đã chiếm đến hơn 90% tăng trưởng toàn ngành kinh tế, cao hơn giai đoạn 2006-2010. Năm 2013, ngành dịch vụ đóng góp hơn 50% vào tăng trưởng theo ngành và cao hơn nhiều so với giai đoạn 2006-2010, với mức đóng góp 45%. Điều này

chứng tỏ xu thế tiến bộ, phù hợp với hướng chuyển dịch cơ cấu trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhằm góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và củng cố tiềm lực kinh tế của đất nước.

Trong nội bộ cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn cũng đã có sự chuyển dịch ngày càng tích cực. Đối với nông nghiệp, tỷ trọng của ngành trồng trọt trong cơ cấu giá trị sản xuất giảm, của ngành chăn nuôi tăng, dù rằng dịch bệnh gia cầm, gia súc đã có nhiều lần bùng phát gây hậu quả nghiêm trọng. Ngay trong ngành

BẢNG 1: TĂNG TRƯỞNG VÀ CẤU TRÚC TĂNG TRƯỞNG THEO NGÀNH KINH TẾ

Đơn vị: %

Năm	2006 - 2010	2011	2012	2013	2014
GDP	6,32	6,24	5,25	5,42	5,82
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,53	4,02	2,68	2,64	2,73
Công nghiệp và xây dựng	6,39	6,68	5,75	5,43	6,08
Dịch vụ	7,64	6,83	5,90	6,57	6,83

BẢNG 2: CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ GIAI ĐOẠN 1991-2014

Đơn vị: %

Khu vực kinh tế	1990	1995	2000	2005	2010	2012	2014
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	38,1	27,7	24,5	19,3	19,0	19,7	18,4
Công nghiệp và xây dựng	22,7	28,8	36,7	38,1	38,2	38,6	38,3
Dịch vụ	38,6	44,5	38,8	42,6	42,8	41,7	43,3
Khu vực sản xuất vật chất (CN+NN)	60,8	56,5	61,2	57,4	57,2	58,3	56,7
Khu vực phi nông nghiệp (CN+DV)	61,3	73,3	75,5	80,7	81,0	80,3	81,6

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê

*TS., **ThS., Học viện Chính sách và Phát triển | Email: dongvk@gmail.com

trồng trọt, xu hướng chung là giảm tỷ trọng cây lương thực và tăng tỷ trọng của cây công nghiệp và các nhóm cây khác, nhờ việc đa dạng hoá các loại cây trồng cũng như hướng vào các loại có giá trị kinh tế cao. Sự chuyển dịch cơ cấu trong ngành nông nghiệp đã tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội nông thôn, mà biểu hiện rõ nhất là thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu hộ nông thôn theo hướng ngày càng tăng thêm các hộ làm công nghiệp, thương mại và dịch vụ, trong khi số hộ làm nông nghiệp thuần túy giảm dần.

Đối với công nghiệp, cơ cấu ngành và cơ cấu sản phẩm đang có sự thay đổi để phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường. Ngành công nghiệp chế biến tăng tỷ trọng, trong khi công nghiệp khai thác có chiều hướng giảm. Cụ thể, tỷ trọng ngành khai khoáng giảm từ 11,2% năm 2000 xuống còn 7,6% năm 2013, ngành công nghiệp chế biến tăng từ 83,2% năm 2000 lên 88,1% năm 2013. Trong từng nhóm ngành công nghiệp, cơ cấu sản phẩm cũng có sự thay đổi, một số ngành có hàm lượng kỹ thuật cao, tăng dần tỷ trọng, điển hình như: công nghiệp điện tử - tin học, hóa chất - dược liệu... Tỷ trọng ngành công nghiệp dựa vào tài nguyên đã có xu hướng giảm từ 42,7% năm 2010 xuống 38,5% năm 2014, ngành công nghiệp sử dụng công nghệ thấp giảm từ 41,2% năm 2010 xuống 35,2% năm 2014, ngành công nghệ trung bình và cao tăng lên khoảng 26,3% (Nguyễn Ngọc Sơn, 2015).

Tỷ trọng của các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng lớn, dịch vụ trình độ cao, chất lượng cao tiếp tục được phát triển, như: tài chính - ngân hàng, thông tin truyền thông, viễn thông, bảo hiểm... ngày càng có vị thế quan trọng, góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Nhưng vẫn còn nhiều mặt hạn chế, hiện là những yếu tố của tăng trưởng xanh. So với yêu cầu đặt ra, cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng tích cực, nhưng chưa đảm bảo sự hợp lý, tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế diễn ra còn chậm và chất lượng chưa cao, sự phát triển chủ yếu vẫn dựa vào tài nguyên thiên nhiên và lao động phổ thông. Sự dịch chuyển cơ cấu lao động chậm so với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong giai đoạn 2005-2014 có thể thấy, sự chuyển dịch cơ cấu có xu hướng chững lại, cụ thể: tỷ trọng nông nghiệp sau gần 10 năm không những không giảm, mà còn tăng nhẹ (từ 19,3% năm 2005 lên 19,7% năm 2012). Trong khi đó, tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng chỉ tăng nhẹ (từ 38,1% năm 2005 đến 38,3% năm 2014), tỷ trọng ngành dịch vụ giảm gần 1% năm 2005 so với năm 2012. Hơn nữa, trong cơ cấu nền kinh tế, các nhóm ngành kinh tế sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch còn cao, mức độ ô nhiễm môi trường do các

hoạt động kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp, xây dựng và dịch vụ còn lớn. Cụ thể:

Đối với lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp: Mặc dù trong cơ cấu nội bộ ngành có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng của nhóm ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng của nhóm ngành thủy sản. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của ngành thủy sản ở nước ta chủ yếu dựa vào việc khai thác quá mức tài nguyên sinh vật tại các thủy vực; việc nuôi trồng thủy sản ở nhiều vùng đã làm suy giảm diện tích rừng phòng hộ ven biển (Đồng bằng sông Cửu Long) và ô nhiễm môi trường (Duyên hải miền Trung). Việc khai thác các diện tích đất lâm nghiệp ở vùng đồi núi chuyển sang đất nông nghiệp làm tăng nguy cơ thiên tai (lũ quét, sạt lở đất ở miền núi, ngập lụt và hạn hán ở đồng bằng); việc sử dụng các sản phẩm hóa học (phân bón, thuốc trừ sâu) khiến cho nhiều diện tích đất bị thoái hóa và bạc màu, làm mất môi trường sống của nhiều loài sinh vật. Ngành khai thác khoáng sản được phát triển kéo theo hệ quả là các nguồn tài nguyên khoáng

sản đang bị khai thác lãng phí, cạn kiệt, sử dụng kém hiệu quả, môi trường bị tàn phá, tệ nạn xã hội gia tăng.

Ngành công nghiệp tuy có tốc độ tăng trưởng cao, nhưng yếu tố hiện đại trong toàn ngành chưa được quan tâm đúng mức, trình độ kỹ thuật, công nghệ nhìn chung vẫn ở mức trung bình. Công nghiệp chế biến, đặc biệt là những ngành công nghệ cao chưa phát triển. Sự chuyển dịch từ công nghiệp khai thác sang công nghiệp chế biến vẫn chưa đảm bảo yêu cầu hiệu quả và tính bền vững, do sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ yếu là ngành sử dụng nhiều lao động và gia công lắp ráp, lệ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu và các sản phẩm gia công từ nước ngoài. Năng lực cạnh tranh ở các sản phẩm này phần lớn vẫn nằm ở giá thấp, dựa trên giá nhân công rẻ hoặc các ưu đãi về thuế, tiền sử dụng đất, qua đó đặt ra những lo ngại về khả năng phát triển bền vững trong dài hạn.

Tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP có xu hướng tăng chậm, tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ thấp hơn tốc độ tăng

Đến nay, Việt Nam đã có 27 năm tăng trưởng kinh tế liên tục. Giai đoạn 2011-2014, mức tăng GDP luôn thấp hơn 7% (năm 2011: 6,24%; năm 2012: 5,25%; 2013: 5,42%); năm 2014 là 5,82%, cao hơn mức tăng trưởng của năm 2012 và năm 2013 cho thấy, dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

trường của ngành công nghiệp. Những ngành dịch vụ có hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao, như: dịch vụ tài chính - tín dụng, dịch vụ tư vấn chậm phát triển. Tình trạng độc quyền, dẫn tới giá cả dịch vụ cao, chất lượng dịch vụ thấp còn tồn tại ở nhiều ngành, như: điện lực, viễn thông, đường sắt. Một số ngành có tính chất động lực, như: giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, tính chất xã hội hoá còn thấp, chủ yếu dựa vào nguồn vốn của Nhà nước.

GIẢI PHÁP

Nhằm chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, trong nghiên cứu của mình, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo các tiền đề, cơ sở pháp lý, nhằm tăng mạnh hơn nữa tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ trong GDP. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các vùng trọng điểm, quy hoạch phát triển các ngành kinh tế, đặc biệt là các ngành có tác động nhiều đến môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường, đầu tư phát triển vốn tự nhiên; tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm.

Thứ hai, tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư cho chiến lược tăng trưởng xanh. Xây dựng một cơ cấu tài chính và các chính sách tín dụng hỗ trợ nhằm huy động, kết hợp hiệu quả về quản lý tài chính công cho các hoạt động đầu tư xanh, tạo điều kiện cung cấp, đảm bảo nguồn vốn cho các ngành kinh tế phát triển theo chiều sâu, thực hiện thành công chiến lược chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ ba, xây dựng chiến lược phân bổ nguồn lực để đầu tư vào các lĩnh vực nông

ng nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, chế biến thực phẩm, du lịch và nguồn nước nhằm củng cố và phát huy lợi thế “vốn tự nhiên” của các tài nguyên có thể tái tạo. Đối mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, các-bon thấp nhằm giảm thiểu ô nhiễm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng. Đầu tư phát triển nông nghiệp phải nhằm vào phát huy thế mạnh đặc thù của nền nông nghiệp nhiệt đới, tạo được nhiều sản phẩm có thương hiệu quốc gia và quốc tế, phù hợp với xu thế xanh hóa quá trình tăng trưởng và nền kinh tế.

Thứ tư, đặt trọng tâm vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành có năng suất lao động thấp sang các ngành có năng suất lao động cao hơn, đóng góp lớn hơn cho tăng trưởng kinh tế. Hình thành các ngành kinh tế mũi nhọn, chủ lực tạo thành các cực tăng trưởng, nhằm tạo ra các tác động lan tỏa thúc đẩy các ngành khác phát triển. Thực hiện lựa chọn các ngành, các sản phẩm phù hợp với từng vùng, địa phương và trong từng giai đoạn nhằm tạo ra các sản phẩm mũi nhọn, ngành mũi nhọn, địa phương mạnh đóng vai trò “đầu tàu” kéo theo sự phát triển của các sản phẩm, ngành và địa phương khác.

Thứ năm, đối với cơ cấu ngành nông, lâm, ngư nghiệp: Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng phát thải thấp. Áp dụng mô hình kết hợp sản xuất với bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, phát triển các mô hình kinh tế sinh thái, phát triển sản xuất hàng hóa và dịch vụ môi trường; Xây dựng hệ thống các cơ chế chính sách đầu tư phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản đáp ứng nhu cầu thị trường, nhằm đạt hiệu quả cao nhất về kinh tế - xã hội và môi trường.

Thứ sáu, đối với cơ cấu ngành công nghiệp: Quy hoạch các ngành công nghiệp theo hướng tận dụng lợi thế cạnh tranh, sử dụng ít năng lượng, giảm phát thải; Ưu tiên các ngành công nghiệp xanh sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo; Hình thành các chương trình ứng dụng công nghệ hiện đại, nhằm tiết kiệm tiêu hao năng lượng; Thay thế các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng thủ công tiêu tốn nhiều năng lượng, nhiều phát thải gây ô nhiễm. Phát triển ngành công nghiệp tái chế hiện đại thân thiện với môi trường, nghiên cứu đưa ngành này vào quy hoạch ngành công nghiệp môi trường.

Thứ bảy, đối với cơ cấu ngành dịch vụ: Phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có giá trị gia tăng cao, hàm lượng tri thức và công nghệ cao, như: du lịch, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin, giáo dục, tài chính, bảo hiểm...□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Thành (2014). *Tổng quan kinh tế Việt Nam 2013*, báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2014
2. Phạm Hoàng Mai (2014). Tăng trưởng xanh ở Việt Nam: Từ chiến lược đến hành động, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 22
3. Nguyễn Ngọc Sơn (2015). Phát triển công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2011-2015 và định hướng giai đoạn 2016-2020, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 3